

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ VÀ CƠ QUAN NGANG BỘ
ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC
THẢI TẠI CHỖ**

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã góp ý: Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ thống nhất với dự thảo: Không có
3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã gửi công văn nhưng không có văn bản góp ý: Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
4. Các ý kiến góp ý cụ thể như sau:

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
1	Bộ Khoa học và Công nghệ		
	- Trình tự, thủ tục xây dựng, trình bày và thể hiện nội dung Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu, đã thực hiện theo Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN
	- Theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN, quá trình xây dựng QCVN cần gửi dự thảo QCVN kèm theo thuyết minh đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến (gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng trực tiếp chịu tác động của dự thảo QCVN).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu, trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư đã mời và gửi tài liệu cho các đối tượng trực tiếp chịu tác động tham gia các cuộc họp, hội thảo xin ý kiến; đã có Công văn số 652/BTNMT-KSONMT ngày 03 tháng 02 năm 2025 gửi Cổng Thông tin điện tử Chính phủ công khai lấy ý kiến dự thảo Thông tư và QCVN. Công văn số 311/KSONMT-CTRSN ngày 21/01/2025 công khai trên Cổng thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
	- Đề nghị chỉnh sửa tên QCVN thành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ”.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	- Tại Mục 1.1 Phạm vi điều chỉnh quy định như sau “ <i>Quy chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và quản lý đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ</i> ”. Tuy nhiên, trong phần Quy định kỹ thuật lại quy định các yêu cầu đối với nước thải sau xử lý. Đề nghị thống nhất lại phần phạm vi điều chỉnh và phần quy định kỹ thuật.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
	Mục 2.1: Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là các tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	Mục 2.2: Đề nghị xem xét lược bỏ vì đã được quy định trong Thông tư ban hành QCVN.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	Mục 2.3: Đề nghị nghiên cứu đưa lên Mục 1 Phạm vi điều chỉnh.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	Mục 3.1: Đề nghị xem xét lại thuật ngữ về nước thải sinh hoạt theo hướng nước thải sinh hoạt là nước thải ra của 01 hộ gia đình.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu một phần do ngoài nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, còn bao gồm nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được quản lý như nước thải sinh hoạt được quy định tại mục 1.3.2 và Phụ lục 1 QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.
	Mục 3.5.1; 3.5.2: Đề nghị xem xét không phân cấp đến quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và
	Mục 5: Đề nghị đặt lại tên cho Mục	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	Mục 5.1: Đề nghị viện dẫn cụ thể tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng có liên quan.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Xem danh mục tài liệu viện dẫn kèm theo
	Mục 5.3: Bỏ vì quy định trùng lặp với quy định tại Mục 4.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	Mục 7.2: Đề nghị bỏ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính thống nhất với mục 3.2 QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
			thải đô thị, khu dân cư tập trung.
	Mục 8.1.1.1: 8.1.2: Xem xét nội dung TCVN 5999:1995 và biên tập lại cho xúc tích.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đã rà soát, biên tập, hoàn thiện và đảm bảo sự đồng bộ quy định quan trắc đối với công trình xử lý nước thải áp dụng theo TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992) đã được quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
	Mục 8.1.3: Đề nghị chuyển sang phần quy định quản lý	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	Mục 8.1.4: Xem xét bỏ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do đây là điều kiện về đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ
	Mục 8.1.5: Đề nghị chuyển sang phần quy định quản lý	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiếp thu
	- Quy định công bố hợp quy đối với thiết bị xử lý nước thải tại chỗ sản xuất trong nước và nhập khẩu còn chung chung, chưa có hướng dẫn chi tiết về quy trình đánh giá sự phù hợp	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, tiếp thu một phần - Yêu cầu về công bố hợp quy đã được quy định tại Điều 15, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Không cần hướng dẫn chi tiết trong QCVN này. - Quy trình đánh giá sự phù hợp đã được nêu tại mục 10.1 tương ứng quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.
	- Việc sử dụng phương thức 1 (thử nghiệm mẫu điển hình) có thể chưa đủ để đảm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đã rà soát, đề nghị giữ nguyên như dự

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
	bảo tính ổn định của thiết bị xử lý nước thải. Cần xem xét bổ sung phương thức đánh giá lô sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ.	học và Công nghệ	thảo: - Do thiết bị xử lý nước thải tại chỗ là sản phẩm, hàng hóa có cùng một kiểu, được sản xuất theo cùng một dạng thiết kế, trong cùng một điều kiện và sử dụng cùng loại nguyên vật liệu, không phải là hàng hóa có kiểu dáng, chất liệu khác nhau theo từng lô sản phẩm. Nên không nhất thiết đánh giá theo lô sản phẩm. - Hơn thế nữa, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, giấy chứng nhận hợp quy có thời hạn là 03 năm đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy. Vì vậy, việc công bố theo phương thức 1 là phù hợp.
	- Rà soát lại nội dung của QCVN để ngắn gọn, xúc tích và tránh trùng lặp.		Tiếp thu
2	Bộ Xây dựng		
	Về nội dung Tờ trình cũng như phạm vi áp dụng trong Dự thảo Quy chuẩn, đề nghị cơ quan soạn thảo kiểm tra, xem xét làm rõ đối tượng phù hợp để lựa chọn áp dụng, nên cân nhắc áp dụng đối với đối tượng không nằm trong phạm vi có thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung hiện trạng hoặc theo quy hoạch thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phát huy tối đa hiệu quả của việc đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tập trung, tránh gây lãng phí nguồn lực đầu tư của nhà nước và của tư nhân.	Bộ Xây dựng	Quy chuẩn này áp dụng cho các đối tượng xả nước thải ra nguồn tiếp nhận, tại các khu vực không có hệ thống thoát nước tập trung, để đảm bảo không để nước thải chưa qua xử lý xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành (Khoản 3 Điều 53, Khoản 2 Điều 56, Khoản 5 Điều 58, Khoản 2 Điều 59, Khoản 1 Điều 60, Khoản 1 Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Ở các khu vực đã có hệ thống thoát nước tập trung nhưng chưa đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải, hệ thống thoát nước được coi là nguồn tiếp nhận nước thải.

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
	Hiện nay, hệ thống xử lý nước tại chỗ hiện hữu của các hộ thoát nước trong các đô thị và nông thôn chủ yếu là các bể tự hoại, việc áp dụng quy chuẩn này có khả năng sẽ gây thêm áp lực tài chính cho các hộ thoát nước trên cả nước vì phải đầu tư, cải tạo, nâng cấp các bể tự hoại hiện hữu này; ngoài ra, chính quyền địa phương trên cả nước đang nỗ lực, tập trung nguồn lực để xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tập trung, nếu áp dụng quy chuẩn này thì sẽ dẫn đến hiện tượng nước thải sinh hoạt dẫn về các nhà máy xử lý tập trung bị thiếu hụt (cả về số lượng và chất lượng), làm giảm hiệu quả đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung. Vì vậy, đề nghị tạm dừng việc ban hành Quy chuẩn khi chưa có nghiên cứu đánh giá tính khả thi để bắt buộc áp dụng, đặc biệt không áp dụng cho nước thải sinh hoạt hộ gia đình trong các khu vực đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải. Chỉ nên ban hành Tiêu chuẩn không phải là Quy chuẩn để bắt buộc áp dụng, tránh việc chồng chéo, xung đột giữa các quy định cũng như lãng phí nguồn lực.	Bộ Xây dựng	Quy chuẩn này áp dụng cho các đối tượng xả nước thải ra nguồn tiếp nhận, tại các khu vực không có hệ thống thoát nước tập trung, để đảm bảo không để nước thải chưa qua xử lý xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành (Khoản 3 Điều 53, Khoản 2 Điều 56, Khoản 5 Điều 58, Khoản 2 Điều 59, Khoản 1 Điều 60, Khoản 1 Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Với Trạm xử lý nước thải đầu tiên ở Việt Nam được đưa vào hoạt động ở Hà Nội năm 2005, trải qua 20 năm, hiện tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý ở Việt Nam mới đạt 18%, và hầu như toàn bộ nước thải nông thôn chưa được xử lý. Áp dụng các giải pháp XLNT tại chỗ cho phép huy động nguồn lực từ xã hội hóa, nâng cao trách nhiệm XLNT và bảo vệ môi trường (BVMT), đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho công trình hoạt động hiệu quả, giảm nhẹ gánh nặng tài chính cho ngân sách Nhà nước, đồng thời rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, góp phần BVMT, kiểm soát ô nhiễm do nước thải. Do vậy, việc ban hành quy chuẩn này là rất cần thiết. Đồng thời với việc ban hành quy chuẩn, hiện Bộ Xây dựng đã trình Tổng cục TCĐLCL dự thảo Tiêu chuẩn thiết kế công trình, thiết bị XLNT tại chỗ, với các quy định chi tiết về quy cách thiết kế, xây

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
			dựng, vận hành, kiểm tra, đánh giá về mặt xây dựng, đảm bảo tính đồng bộ giữa các quy định.
	Đề nghị cơ quan soạn thảo kiểm tra, xem xét lại sự phù hợp giữa tên và nội dung của Quy chuẩn với thực tế. Xử lý nước thải tại chỗ là xử lý nước thải ngay tại nơi phát sinh của nguồn thải, tuy nhiên nội dung của Dự thảo Quy chuẩn không bao hàm nội dung này mà chủ yếu hướng đến đối tượng là thiết bị xử lý nước thải được chế tạo nguyên chiếc.	Bộ Xây dựng	Nội dung này đã có tại dự thảo. Dự thảo Quy chuẩn quy định cho cả đối tượng là công trình xử lý nước thải tại chỗ, được xây lắp trong khuôn viên.
	Đề nghị cơ quan soạn thảo kiểm tra, xem xét bổ sung, làm rõ các quy định về kỹ thuật như kích thước hình học của thiết bị hoặc công trình; bố trí mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của thiết bị xử lý nước thải hoặc công trình tránh việc quy định không cụ thể gây khó khăn khi áp dụng vào thực tế (Mục 5 Quy định kỹ thuật của Dự thảo Quy chuẩn).	Bộ Xây dựng	Không thuộc phạm vi của Quy chuẩn. Các nội dung về tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng thuộc trách nhiệm xây dựng và ban hành của Bộ Xây dựng, đảm bảo phù hợp với nội dung của Quy chuẩn này.
	Đề nghị cơ quan soạn thảo kiểm tra, xem xét lược bỏ quy định tại Mục 3 Giải thích từ ngữ, tiểu mục 3.5.3 Cột C, theo quy định này thì nước thải sau khi xử lý đạt cột C không được phép xả ra nguồn tiếp nhận có chức năng cấp nước cho mục đích sinh hoạt và mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp mà bắt buộc phải xả vào hệ thống thoát nước đô thị, như vậy, nước thải sau khi xử lý sẽ tiếp tục được đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lần thứ 2, điều này sẽ gây lãng phí nguồn lực để xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung	Bộ Xây dựng	Tiếp thu, chỉnh sửa tiểu mục 3.5.3 theo hướng loại trừ đối tượng nguồn tiếp nhận là “hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung”.
2	Bộ Tài chính		
	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát phạm vi, nội dung tại dự thảo Thông tư, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật chuyên ngành, không chồng chéo với các quy định hiện hành tại các Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tổng hợp các ý kiến tham gia của địa phương và các bộ, ngành liên quan để hoàn thiện dự thảo Thông tư. Đồng thời, đề nghị rà soát toàn bộ hồ sơ, nội dung dự thảo Thông tư đảm bảo phù hợp quy định; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và pháp luật có liên quan để ban hành Thông tư theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung đã ban hành. Trường hợp cần ý kiến thống nhất theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Tài chính đối với nội dung cụ thể tại dự thảo Thông tư, đề nghị nêu rõ tại công văn lấy ý kiến.		Tiếp thu
	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, lượng hóa, thuyết minh cụ thể tác		- Nhiệm vụ xây dựng QCVN được giao tại Điều 97 Luật Bảo vệ môi trường. Đây

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
	động đến ngân sách nhà nước của các nội dung quy định tại dự thảo Thông tư, đảm bảo phù hợp quy định tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025: “ <i>Không ban hành các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án mới khi không cân đối được nguồn</i> ”.		không phải là chính sách mới. - Để triển khai Thông tư ban hành QCVN, ngân sách nhà nước không phải chi trả cho các nội dung để triển khai thông tư này. Mọi chi phí để sản xuất, đánh giá sự phù hợp của các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ do các nhà sản xuất, nhập khẩu và người dân chi trả.
3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
	Mục 3 “Giải thích từ ngữ”: Đề nghị bổ sung thuật ngữ “Nước thải tại chỗ”,	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã rà soát, tiếp thu một phần. Phạm vi xử lý nước thải đã được điều chỉnh, bổ sung, làm rõ tại mục 3.2 “Xử lý nước thải tại chỗ”, vì vậy không cần thiết có định nghĩa “Nước thải tại chỗ”
	Mục 3.2, 3.3, 3.4: Đề nghị làm rõ “phạm vi” của các đối tượng quy định tại điểm 2.2 cho phù hợp. Tại Mục 1, “Phạm vi điều chỉnh” quy định kỹ thuật và quản lý đối với “công trình và thiết bị xử lý nước thải tại chỗ” nhưng tại Mục 2.1, đối tượng áp dụng của QCVN đề cập tới “nước thải sinh hoạt có lưu lượng nhỏ hơn 20 m ³ /ngày	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tiếp thu. Đã hoàn thiện dự Thông tư và QCVN, chỉ quy định phạm vi và đối tượng áp dụng tại dự thảo QCVN
	Mục 3.5.1 và 3.5.2: Đề nghị quy định rõ phương án xử lý trong trường hợp UBND cấp tỉnh quy định giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận nước thải cao hơn giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại Quy chuẩn này	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã rà soát, tiếp thu một phần, Hoàn thiện tại mục 3.5.1, 3.5.2 theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 99 Luật Bảo vệ môi trường.
	Mục 5.2: Xem xét quy định này do đặc điểm của “nước thải tại chỗ” có thể khác nhau, do đó tùy vào công nghệ xử lý sẽ có thiết kế công trình, xử lý nước thải khác nhau. QCVN không nên quy định kỹ thuật của quá trình, chỉ nên quy định kỹ thuật về kết quả (như Mục 5.3 đã quy định) để phù hợp các công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải đa dạng hiện nay	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đồng ý về cách tiếp cận xây dựng quy chuẩn: quy chuẩn này không quy định kỹ thuật cụ thể của quá trình. Tuy nhiên việc quy định công trình, thiết bị XLNT tại chỗ phải có công đoạn điều hòa và vùng lưu không trên mặt nước cũng như vùng chứa cặn là để đảm bảo hoạt động bình thường của công trình, thiết bị, và giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố do quá tải, tràn bể, tắc bể, nổ do khí tích tụ, ...
	Mục 6: Xem xét không quy định nội dung về vận hành của công trình, thiết bị	Bộ Nông	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Quy

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
		nghịệp và Phát triển nông thôn	chuẩn để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải trong suốt quá trình sử dụng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.
	Tại Bảng 1 quy định Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý tại công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ có công suất thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 m³/ngày (24 giờ) khi xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải đối với các đối tượng quy định tại mục 2 (trong đó có cơ sở sản xuất, 2 kinh doanh, dịch vụ, nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa). Với lượng xả thải nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 m³/ngày (24 giờ) khi xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải thì hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa trên toàn quốc thuộc trường hợp này. Theo đó, các đối tượng này phải xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ. Do đó, đề nghị cân nhắc quy định “lượng xả thải nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 m³/ngày (24 giờ)” để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các tổ chức, cá nhân	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các nghiên cứu cho thấy hầu hết các hộ gia đình ở Việt Nam, với số người thường dưới 10 người, có lưu lượng thải nước nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 m³/ngày (24 giờ). Dự thảo quy chuẩn đề xuất quy định các giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý cho các đối tượng này theo 3 thông số là BOD, COD và TSS. Với nước thải sinh hoạt hộ gia đình, có thể áp dụng các công trình, thiết bị XLNT đơn giản như bể tự hoại có ngăn lọc hay lõi lọc các loại, được thiết kế và vận hành, bảo dưỡng đúng, đáp ứng được yêu cầu này.
	Dự thảo quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, tuy nhiên chưa có quy định về đánh giá, chứng nhận, công bố hợp quy đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về đánh giá, chứng nhận, công bố hợp quy đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã được quy định tại khoản Điều 10, Điều 11 của dự thảo Quy chuẩn
	Tại điểm 9 mục IV, đề nghị quy định rõ phương thức, thủ tục, thẩm quyền nghiệm thu đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ trước khi đưa vào sử dụng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nội dung này được quy định khoản 12.1 Điều 12 của dự thảo Quy chuẩn

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC
THẢI TẠI CHỖ**

- 1. Các đơn vị trong Bộ đã góp ý:** Vụ Pháp chế, Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường
- 2. Các đơn vị trong Bộ có ý kiến thống nhất:** Thanh tra Bộ.
- 3. Các đơn vị chưa góp ý:** Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Môi trường, Cục Quản lý tài nguyên nước; Viện Chính sách Chiến lược TN-MT; Viện Khoa học Môi trường, biển và hải đảo.
- 4. Các ý kiến góp ý chi tiết như sau:**

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
1	Vụ Pháp chế		
	1. Về dự thảo Thông tư Tại khoản 2 Điều 2 của dự thảo Thông tư quy định “<i>Quy chuẩn này áp dụng đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ được xây dựng, lắp đặt, tại dự án mới, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định tại Thông tư này.</i>” Vụ Pháp chế thấy rằng, hiện nay, việc quản lý nước thải phân tán được thực hiện theo quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, trong các văn bản nêu trên cũng không có quy định cụ thể về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ do đó, trên thực tế sẽ có nhiều công trình xử lý nước thải, thiết bị xử lý nước thải được xây dựng, lắp đặt trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhà ở trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành sẽ không đáp ứng được các giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý theo quy định của Quy chuẩn này. Vì vậy, để có thể đạt được mục tiêu bảo đảm nguồn tài chính bền vững cho công trình hoạt động hiệu quả, giảm nhẹ gánh nặng tài chính cho ngân sách nhà nước, kiểm soát ô nhiễm do nước thải như mục tiêu đã đặt ra trong dự thảo Tờ trình, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào dự thảo Thông tư nội dung về điều khoản chuyển tiếp, trong đó xác định rõ lộ trình, thời hạn để các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng các quy định của Quy chuẩn này và phương án xử lý đối với các thiết bị chưa được đánh giá và công bố hợp quy theo quy định của Quy chuẩn này.	Vụ Pháp chế	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo phù hợp với điểm e khoản 1 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường.

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
	2. Về dự thảo Quy chuẩn 2.1. Về đối tượng áp dụng (mục 2) Liên quan đến nội dung tại mục này, Vụ Pháp chế có một số ý kiến như sau: - Vụ Pháp chế thấy rằng quy định về đối tượng áp dụng Quy chuẩn trong dự thảo Thông tư tại khoản 2 Điều 2 và quy định tại mục 2 của dự thảo Quy chuẩn chưa có sự thống nhất. Cụ thể là, tại khoản 2 Điều 2 của dự thảo Thông tư chỉ xác định Quy chuẩn này áp dụng đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ được xây dựng, lắp đặt tại dự án mới, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa. Trong khi đó tại mục 2 dự thảo Quy chuẩn lại quy định thêm đối tượng áp dụng gồm cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng nhỏ hơn 20m³, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, chế tạo xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát quy định cho phù hợp, thống nhất, đồng thời, nên nghiên cứu theo hướng chỉ quy định đối tượng áp dụng trong dự thảo Quy chuẩn tương tự như một số Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vừa được ban hành thời gian gần đây như: Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người, Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh...	Vụ Pháp chế	Tiếp thu. Đã hoàn thiện dự Thông tư và QCVN, chỉ quy định phạm vi và đối tượng áp dụng tại dự thảo QCVN
	- Vụ Pháp chế thấy rằng, quy định tại mục 2.3 “Quy chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật, quản lý đối với các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ có công suất thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 m³/ngày (24 giờ); lớn hơn 1,5 m³/ngày (24 giờ) đến 5,0 m³/ngày (24 giờ); lớn hơn 5,0 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 20,0 m³/ngày (24 giờ)” không hẳn là đối tượng áp dụng mà thực chất là phạm vi điều chỉnh. Do đó, đề nghị chuyển quy định này vào mục 1 để phù hợp về nội dung điều chỉnh.	Vụ Pháp chế	Tiếp thu

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
	- Qua rà soát, Vụ Pháp chế thấy rằng, tại mục 4.7 của QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (sau đây gọi là QCVN 14:2025/BTNMT) quy định “Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ”. Vì vậy, để bảo đảm thống nhất, đồng bộ, bao quát hết các đối tượng chịu tác động của Quy chuẩn này, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung đối tượng hộ gia đình tại mục 2 của dự thảo Quy chuẩn.	Vụ Pháp chế	Tiếp thu
	2.2. Về giải thích từ ngữ (mục 3) - Tại mục 3.1 của dự thảo Quy chuẩn có giải thích thuật ngữ nước thải sinh hoạt theo hướng viện dẫn sang thuật ngữ về nước thải sinh hoạt theo quy định tại Phụ lục 1 QCVN 14:2025/BTNMT. Tuy nhiên, qua rà soát Vụ Pháp chế thấy rằng nội dung giải thích thuật ngữ này trong dự thảo Thông tư chưa thống nhất với quy định tại Phụ lục 1 QCVN 14:2025/BTNMT như: tại Phụ lục 1 QCVN 14:2025/BTNMT xác định nước thải sinh hoạt là nước thải phát sinh từ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khi dự thảo Quy chuẩn này xác định nước thải sinh hoạt là nước thải từ các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo cần rà soát để có quy định cho phù hợp.	Vụ Pháp chế	Tiếp thu
	- Về việc sử dụng các thuật ngữ, tại mục 3.5.1, 3.5.2, 3.5.3 của dự thảo Quy chuẩn giải thích Cột A, B, C về phân vùng xả nước thải có sử dụng cụm từ “giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải” và dẫn chiếu đến QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (sau đây gọi là QCVN 08:2023/BTNMT). Qua rà soát, Vụ Pháp chế thấy rằng, tại QCVN 08:2023/BTNMT cũng như trong QCVN 14:2025/BTNMT khi giải thích nội dung về phân vùng xả nước thải đều sử dụng cụm từ: “giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải”. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát sử dụng các thuật ngữ cho thống nhất.	Vụ Pháp chế	Tiếp thu
	2.3. Về quy định kỹ thuật (mục II) - Tại mục II của dự thảo Quy chuẩn có quy định về quản lý vận hành, trong khi đó, nội dung này cũng được quy định tại mục 15.V về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ. Vụ Pháp chế cho rằng, nội dung về quản lý vận hành là một phần trong khâu trong tổ chức thực hiện vì vậy để tránh trùng lặp đề nghị chỉ quy định nội dung này ở mục trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thay vì để cả ở mục quy định kỹ thuật.	Vụ Pháp chế	Tiếp thu

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
	- Về các thông số ô nhiễm, qua rà soát, đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT, QCVN 14:2025/BTNMT, Vụ Pháp chế thấy rằng, tại các Quy chuẩn này các số liệu phản ánh các thông số ô nhiễm đều xác định theo cận dưới hoặc bằng ($\leq$), trong khi đó dự thảo Quy chuẩn này có nhiều nội dung dẫn chiếu đến các số liệu nêu tại QCVN 08:2023/BTNMT, QCVN 14:2025/BTNMT nhưng lại được xác định theo chỉ số tuyệt đối. Vì vậy, để bảo đảm tính thống nhất, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để có quy định cho phù hợp.	Vụ Pháp chế	Tiếp thu
	Bên cạnh đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo làm rõ hơn cơ sở của việc xác định các số liệu phản ánh các thông số ô nhiễm ứng với công suất của công trình xử lý nước thải, thiết bị xử lý nước thải tại Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 như: sự chênh lệch tương đối lớn giữa các thông số ô nhiễm: nhu cầu oxy sinh hóa, nhu cầu oxy hóa học, tổng chất rắn lơ lửng ở 03 bảng hay sự giống nhau trong các thông số ô nhiễm tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho, dầu mỡ động, thực vật tại Bảng 2, Bảng 3...	Vụ Pháp chế	Các thông số và giá trị giới hạn của các thông số trong Bảng 1, 2, 3 được đề xuất dựa trên các căn cứ sau: - Dòng thải có tải lượng chất bẩn lớn hơn được kiểm soát chặt hơn; - Với cùng thông số, giá trị giới hạn khi xả ra nguồn nước mặt mức A chặt hơn mức B và mức B chặt hơn mức C. - Các giá trị giới hạn của các thông số trong Bảng 3 không nhỏ hơn giá trị lớn nhất tương ứng, đã quy định trong QCVN 14:2025 và QCVN 40:2025; - Các giá trị giới hạn của các thông số trong Bảng 2 bằng hoặc lớn hơn 20-30% các thông số tương ứng trong Bảng 3, tương ứng yêu cầu thấp hơn về kích thước công trình, thông số thiết bị và chi phí vận hành. - Công trình, thiết bị XLNT tại chỗ quy mô hộ gia đình, tương ứng quy mô công suất $\leq 1,5\text{m}^3/\text{ngày}$: chỉ yêu cầu xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị đơn giản, ít tốn kém, đáp ứng các giá trị quy định trong Bảng 1 theo 3 thông số: BOD, COD, TSS. - Các giá trị của các thông số đã được rà soát, cập nhật, tiếp thu ý kiến góp ý

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
			và tuân thủ các tiêu chí nêu trên.
2	Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường (CĐS)		
	1. Thuyết minh Dự thảo QCVN: chưa có, đề nghị bổ sung vào hồ sơ. Trong thuyết minh, cần làm rõ phương thức xây dựng QCVN để xác định đây là quy chuẩn mới hay chỉnh sửa bổ sung các quy chuẩn đã có. Bổ sung bảng so sánh các nội dung mới so với QCVN đã có nếu có sự kế thừa, cập nhật, chỉnh sửa nội dung.	Cục CĐS	Tiếp thu
	2. Đối với Dự thảo QCVN: - Cần xem xét cách giải thích các thuật ngữ dựa theo các tài liệu tham khảo và sử dụng thống nhất trong tất cả các Dự thảo QCVN liên quan. Ví dụ các khái niệm "Nước thải sinh hoạt", "Chất ô nhiễm"...	Cục CĐS	Tiếp thu

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI CHỖ

1. Địa phương đã góp ý (23/63 tỉnh): Quảng Trị, Nghệ An, Nam Định, Trà Vinh, Sơn La, Sóc Trăng, Lạng Sơn, Kiên Giang, Hải Dương, Hà Giang, Gia Lai, Đồng Nai, Long An, Bình Thuận, Hồ Chí Minh, Phú Yên, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Hưng Yên, Bình Phước, Bình Định, Quảng Ngãi, Nam Định.

2. Địa phương nhất trí (16/63 tỉnh): Yên Bái, Ninh Bình, UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh Tây Ninh, Lâm Đồng, Lai Châu, Điện Biên, Đắk Nông, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Hà Nội, Hậu Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Thái Nguyên.

3. Địa phương chưa góp ý (24/63 tỉnh): Quảng Trị, Bình Định, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Bình Dương, Đồng Nai, Sóc Trăng, Cà Mau, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Vĩnh Phúc, Sơn La, Phú Thọ, Lạng Sơn, Lai Châu, Hòa Bình, Hà Nam, Ninh Thuận, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Long An, Cần Thơ, Tiền Giang, An Giang, Hưng Yên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Bình Phước, Bình Thuận, Hoà Bình, Khánh Hoà, Quảng Nam.

TT	Nội dung góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến của đơn vị soạn thảo
A	DỰ THẢO TỜ TRÌNH		
	- Tại phần dự thảo Tờ trình: Đề nghị nêu khái quát các căn cứ để đưa ra các số liệu về thể tích: 1,5 m ³ , 5 m ³ , 20 m ³ .	Sở NNMT Quảng Trị	Tiếp thu
B	DỰ THẢO THÔNG TƯ		
	- Điều 2 dự thảo chưa làm rõ nội dung liên quan “trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định tại Thông tư này”. - Đề nghị bổ sung, làm rõ quy định về lộ trình, đối tượng áp dụng đối với các trường hợp (1) dự án mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa và (2) cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang duy trì hoạt động, nhà ở riêng lẻ hiện hữu chưa có kế hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa ở khu dân cư không tập trung/đô thị, khu dân cư tập trung theo các nội dung có liên quan tại điểm e khoản 1 Điều 60, khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. - Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ là nội dung mới được chính thức đưa vào quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; hiện vẫn chưa thật sự định hình rõ ràng tại địa phương và khó tránh khỏi còn nhiều vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thời gian tới, trong đó có QCVN này. - Đề nghị bổ sung nội dung “Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết” tại Điều 3 Thông tư.	Sở NNMT Nghệ An	Tiếp thu
	- Tại căn cứ pháp lý thứ 4, 5, 7 đề nghị tách các căn cứ thành từng căn cứ riêng biệt;	Sở NNMT	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo

	- Sắp xếp các căn cứ pháp lý theo thứ bậc, thời gian ban hành văn bản	Hà Giang	
	Đối với cụm từ “Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia” được nêu trong trích yếu nội dung văn bản của dự thảo Thông tư và dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư, đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại thành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia” theo đúng như thuật ngữ về phân loại hệ thống quy chuẩn kỹ thuật đã được quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.	Sở NNMT Bình Thuận	Tiếp thu
	Dự thảo Thông tư cần bổ sung các căn cứ pháp lý cho phù hợp: “Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;”	Sở NNMT Bình Phước	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo đồng bộ với các Thông tư ban hành QCVN của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
C	DỰ THẢO QUY CHUẨN		
1	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng		
	- Trên thực tế có các cơ sở có phát sinh nước thải sinh hoạt (với lượng phát sinh dưới 20 m³/ngày (24 giờ) và nước thải công nghiệp được tách dòng, xử lý tại công trình bảo vệ môi trường riêng, trong đó Chủ cơ sở có thể sử dụng phương án công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ để xử lý nước thải sinh hoạt. Hiện mục 1 dự thảo Quy chuẩn đang diễn đạt một số nội dung tương đồng với quy định về quản lý đối với việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp giấy phép môi trường (mẫu đơn, 03 ngày liên tiếp) hay đề cập nội dung liên quan “lưu lượng tối thiểu so với công suất thiết kế, đảm bảo tính đại diện ở mức rủi ro cao nhất”. Đề nghị xem xét, điều chỉnh diễn đạt nội dung thể hiện rõ phạm vi, đối tượng áp dụng nội dung “lưu lượng tối thiểu so với công suất thiết kế, đảm bảo tính đại diện ở mức rủi ro cao nhất” độc lập với quy định liên quan đối tượng thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp giấy phép môi trường (lưu ý pháp luật hiện hành không/chưa có quy định về lưu lượng nước thải tối thiểu để vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải).	Sở NNMT Nghệ An	- Tiếp thu một phần, không quy định về lấy mẫu theo giấy phép môi trường đã được cấp do công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ không phải là đối tượng phải vận hành thử nghiệm. - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định về lấy mẫu thử nghiệm tại Điều 8 của dự thảo QCVN để làm căn cứ nghiệm thu, bàn giao công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ giữa nhà cung cấp và đối tượng sử dụng; không liên quan đến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải tại chỗ theo quy định
	1. Đề nghị xem xét, điều chỉnh nội dung tại Khoản 2 (trang 3): quy định đối tượng áp dụng là “Tổ chức” là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định “Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân”.	Sở NNMT Sóc Trăng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, cụm từ “tổ chức” đã bao gồm “cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”
	Tại mục 2.1 quy định: “ <i>Quy chuẩn này áp dụng đối với cơ quan quản lý; tổ chức, cá nhân có phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng nhỏ hơn 20 m³/ngày (24 giờ); tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, chế tạo, xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ</i> ”; đề nghị làm rõ “tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, chế tạo, xây dựng,	Sở NNMT Lạng Sơn	Tiếp thu

	lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ" là đối với tất cả các loại nước thải hay chỉ với nước thải sinh hoạt (Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: "3. Công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ là các công trình, thiết bị được sản xuất, lắp ráp sẵn hoặc được xây dựng tại chỗ để xử lý nước thải, khí thải của ...khu kinh doanh, dịch vụ tập trung....").		
	Đề nghị làm rõ quy chuẩn này có áp dụng đối với các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ từ nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa của hộ gia đình hay không.	Sở NNMT Đồng Nai	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã quy định tại mục 2.2.
	Tại tiểu mục 2.2 mục 2: Đề nghị cơ quan soạn thảo nêu rõ phạm vi cải tạo, sửa chữa phải có liên quan đến công trình xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhà ở.	Sở NNMT Hưng Yên	
	Kiến nghị làm rõ hơn phạm vi áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 bao gồm các trường hợp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, các trường hợp có phát sinh nước thải công nghiệp hoặc phát sinh nước thải khác.	Sở TNMT TP.HCM	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã quy định tại mục 3.1 giải thích từ ngữ
	Theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định “Công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ là các công trình, thiết bị được sản xuất, lắp ráp sẵn hoặc được xây dựng tại chỗ để xử lý nước thải, khí thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình...; hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải phải xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường”. Trên thực tế hiện nay, hầu hết các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình có phát sinh nước thải sinh hoạt sử dụng bể tách mỡ và bể tự hoại để xử nước thải. Do đó, tại Mục 2.2 của dự thảo Quy chuẩn, đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là công trình, thiết bị xử lý tại chỗ bao gồm cả bể tách mỡ và bể tự hoại.	Sở TNMT TP.HCM	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này. Bể tự hoại và bể tách mỡ đã được quy định tại mục 4.2 về quy định kỹ thuật. Các công trình, thiết bị như bể tự hoại, bể tách mỡ có thể được sử dụng để làm công đoạn tiền xử lý hoặc có thể được thay thế bằng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng quy chuẩn quy định về BVMT.
	- Đề nghị dự thảo bổ sung quy định áp dụng cụ thể đối với trường hợp: “Trường hợp cơ sở hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp chỉ có phát sinh nước thải sinh hoạt, với lưu lượng nhỏ hơn 20 m³/ngày và có xây dựng/lắp đặt công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.	Sở NNMT Phú Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, không được mở rộng đối tượng áp dụng so với quy định của Luật Bảo vệ môi trường
	Đối với mục I.2: đề nghị làm rõ quy chuẩn có áp dụng đối với trường hợp xây dựng nhà ở của hộ gia đình, nhà ở kết hợp kinh doanh nhỏ lẻ hay không.	Sở NNMT Đà Nẵng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã được thể hiện trong cụm từ "cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình"

	Nghiên cứu làm rõ đối tượng: “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân theo Khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, được cụ thể trong đối tượng áp dụng tại mục 2.2 của dự thảo Quy chuẩn (không còn cụm từ “quy mô hộ gia đình, cá nhân”). Như vậy, theo dự thảo Quy chuẩn chỉ cần cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh nước thải sinh hoạt dưới 20 m ³ /ngày là có thể bố trí công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ (cho tất cả các đối tượng); do đó, dự thảo cần giải thích cụ thể “quy mô hộ gia đình, cá nhân”.	Sở NNMT Thừa Thiên - Huế	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã được thể hiện trong cụm từ "cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình"
	- Trang 3, mục 2: đề nghị xem lại phần đối tượng áp dụng quy chuẩn chỉ áp dụng đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ được xây dựng, lắp đặt tại dự án mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa là chưa đầy đủ. Đề nghị xem xét, bổ sung làm rõ phạm vi áp dụng đối với các đối tượng là dự án, cơ sở đang hoạt động thì áp dụng như thế nào.	Sở NNMT Nam Định	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, QCVN không áp dụng đối với cơ sở đang hoạt động.
2	Giải thích từ ngữ		
	Đề nghị xem xét thống nhất với khái niệm nước thải sinh hoạt tại Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	Sở NNMT Đồng Nai	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính thống nhất với mục 1.3.2 QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.
	- Tại mục 3.3, 3.4 (Giải thích từ ngữ), đề nghị biên tập lại phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;	Sở NNMT Hà Tĩnh	Tiếp thu
	Tại tiết 3.5.1 tiểu mục 3.5 mục 3: Đề nghị sửa cụm từ “... mục đích sinh hoạt...” thành “... mục đích cải thiện chất lượng môi trường nước vận dụng như mức A Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/BNTMT....”.	Sở NNMT Hưng Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tính thống nhất với mục 1.3.2 QCVN 14:2025/BTNMT
3	Quy định kỹ thuật		
	- Đối với giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý tại công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ tại mục 4 phần II của Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ (sau đây gọi tắt là Dự thảo Quy chuẩn): Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý tại công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phù hợp với phân vùng môi trường.	Sở NNMT Sơn La	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã được quy định tại mục 3.5, theo phân vùng xả nước thải. Đồng thời đảm bảo tính thống nhất với QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.
	- Tại mục 5.4 của Dự thảo Quy chuẩn: Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa thành: “Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải đảm bảo an toàn về kết cấu, có giải pháp tách rác, thông hơi, chống	Sở NNMT Sơn La	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, đây là quy định kỹ thuật

	thấm, rò rỉ, không phát tán chất thải gây ô nhiễm môi trường, không gây tiếng ồn và độ rung vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.		chung của công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ
	- Đề nghị xem xét sự phù hợp của việc đề xuất nội dung quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm gắn với nguồn tiếp nhận nước thải đối với nước thải sau xử lý của công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ tại dự thảo Quy chuẩn này bên cạnh nội dung quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm gắn với nguồn tiếp nhận nước thải đối với nước thải sinh hoạt sau xử lý tại dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.	Sở NNMT Nghệ An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, 03 bảng có liên hệ chặt chẽ, được xây dựng trên cơ sở QCVN 14:2025/ BTNMT.
	- Tại bảng 2 tiêu mục 4.2 mục 4: sửa giá trị các chất ô nhiễm: Tổng ni-tơ (T-N) tại cột A từ “20 mg/l” lên “35 mg/l”. - Tại bảng 3 tiêu mục 4.3 mục 4: sửa giá trị các chất ô nhiễm: Tổng ni-tơ (T-N) tại cột A từ “20 mg/l” lên “30 mg/l”; Tổng Coliform tại cột A từ “3.000 MPN hoặc CFU/100 ml” lên “5.000 MPN hoặc CFU/100 ml” và tại cột B từ “5.000 MPN hoặc CFU/100 ml” lên “10.000MPN hoặc CFU/100ml”.	Sở NNMT Hưng Yên	Tiếp thu, đã rà soát các giá trị thông số ô nhiễm phù hợp với QCVN 14:2025/BTNMT, QCVN 40:2025/BTNMT
	- Tại bảng 2, 3 đề nghị làm rõ đối với thông số Tổng Photpho quy định giá trị giới hạn đối với nguồn tiếp nhận là hồ. Vậy giá trị giới hạn đối với nguồn tiếp nhận là ao, kênh, mương là bao nhiêu? vì hầu hết các cơ sở, dự án xả nước thải ra kênh, mương.	Sở NNMT Hải Dương	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, đảm bảo tính thống nhất với QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Tiếp thu, đã rà soát các giá trị thông số ô nhiễm phù hợp với QCVN 14:2025/BTNMT, QCVN 40:2025/BTNMT
	Đối với mục II.4: đề nghị bổ sung quy định về hệ số vùng tiếp nhận nước thải cho tất cả thông số được quy định tại mục này (sông, hồ, biển, kênh, mương...); đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định liên quan đến tái sử dụng nước thải sau xử lý cho các mục đích khác nhau (tưới cây, vệ sinh, làm mát...).	Sở NNMT Đà Nẵng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do phạm vi đề nghị không thuộc QCVN này
	- Mục 5.2 nêu: + “Vùng lưu không có dung tích tối thiểu bằng 20% dung tích hữu dụng của công trình, thiết bị, chiều cao tối thiểu 0,2 m” việc quy định vùng lưu không có ý nghĩa là vùng ổn định nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường, trong trường hợp cần thiết có thể lấy mẫu kiểm chứng quá trình xử lý, quy định dung tích tối thiểu 20% dung tích hữu dụng của công trình là chưa thực tế vì trong công nghệ vùng này nên quy định: với công trình xử lý liên tục thì có thời gian lưu khoảng 60 đến 120 phút, với công trình xử lý theo mẻ là khoảng 1/10 công suất xử lý tính cho 24 giờ. + “Vùng chứa bùn cặn phải đủ thể tích lưu chứa bùn cặn từ 01 (một) năm trở lên” chưa cụ thể, đề nghị xem xét tính theo hệ số với lưu lượng xử lý.	Sở NNMT Hải Dương	Tiếp thu, đã làm rõ là “vùng lưu không trên mặt nước”.

	Đối với mục II.5: đề nghị xem xét sự phù hợp của các yêu cầu kỹ thuật về vùng điều hòa, vùng lưu không, vùng chứa bùn cặn, kết cấu vật liệu xây dựng, thông hơi, chống thấm, tiếng ồn của công trình sao cho phù hợp để có thể áp dụng trên diện rộng (đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi, hải đảo).	Sở NNMT Đà Nẵng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
	- Đề nghị rà soát, xem xét lại các giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm quy định trong bảng 1, bảng 2, bảng 3 cho phù hợp với quy định trong QCVN 08:2023/BTNMT (giá trị hiện tại trong các bảng 1, bảng 2, bảng 3 lớn gấp nhiều lần quy định trong QCVN 08:2023/BTNMT nên khi nước thải thải ra môi trường sẽ nguy cơ gây ảnh hưởng tới môi trường nước mặt)	Sở NNMT Nam Định	Nguyên tắc lựa chọn giá trị của QCVN, chi tiết tại thuyết minh của QCVN.
	- Với các thiết bị xử lý tại chỗ công suất nhỏ < 1,5 m ³ /ngày đêm (24h) mà sản xuất trong nước thì chỉ cần lấy mẫu đánh giá chất lượng sau xử lý theo điều “8. Quy định về lấy mẫu thử nghiệm” không cần phải thực hiện theo điều “10. Đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy thiết bị xử lý nước thải tại chỗ sản xuất trong nước”.	Sở NNMT Hải Dương	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, thủ tục hợp quy là bắt buộc theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa
	- Tại mục 3.5. Cột A, Cột B, Cột C (phân vùng xả nước thải) trong Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3 Quy chuẩn chỉ quy định giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận. Trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện nay có nhiều dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh có địa điểm cách xa nguồn tiếp nhận (sông, suối, hồ) và những địa điểm đó chưa có hệ thống thoát nước khu vực. Vì vậy cần làm rõ cột C có bao gồm cả các trường hợp xả nước thải vào các nguồn tiếp nhận không phải là các dạng tích tụ nước tự nhiên, nhân tạo quy định tại điểm 26, khoản 1, Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 không (ví dụ xả ra các mương thoát nước mưa...), lưu lượng xả nhỏ, dẫn tới quá trình xả sẽ thấm vào lòng đất, chưa kịp chảy ra nguồn tiếp nhận theo quy định.	Sở NNMT Gia Lai	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, khái niệm “nguồn tiếp nhận nước thải” đã được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.
	- Nghiên cứu quy định giới hạn đối với nước thải sinh hoạt sau xử lý phục vụ cho tưới cây (trong trường hợp không có nguồn tiếp nhận đảm bảo theo quy định).	Sở NNMT Gia Lai	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, không thuộc phạm vi áp dụng của QCVN này
	- Đối với thông số Tổng Ni-tơ (T-N) tại Cột A của Bảng 2. Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý tại công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ có công suất thiết kế lớn hơn 1,5 m ³ /ngày (24 giờ) đến 5,0 m ³ /ngày (24 giờ) và Bảng 3. Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý tại công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ có công suất thiết kế lớn hơn 5,0 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20,0 m ³ /ngày (24 giờ) quy định giá trị giới hạn cho phép là 20 mg/l nhưng tại QCVN 14:2025/BTNMT, Bảng 1. Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải đô thị, khu dân cư tập trung quy định đối với thông số Tổng Ni-tơ (T-N) tại Cột A trong trường hợp lưu lượng xả thải từ 2.000 m ³ /ngày trở xuống là ≤ 25 mg/l. Do đó, cần nghiên cứu, xem xét điều chỉnh lại giá trị giới hạn cho phép của thông số Tổng Ni-tơ (T N) cho phù hợp.	Sở NNMT Long An	Tiếp thu; đã chỉnh sửa sau khi rà soát các giá trị theo QCVN 14:2025, 40:2025

	Tại Mục 5 của dự thảo Quy chuẩn, đề nghị quy định rõ quy trình, kỹ thuật đối với công trình, thiết bị xử lý tại chỗ tương ứng với quy mô phát sinh nước thải theo Mục 2.3 của dự thảo Quy chuẩn, cụ thể: công suất thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 m ³ /ngày (24 giờ); lớn hơn 1,5 m ³ /ngày đến dưới 05 m ³ /ngày và lớn hơn 05 m ³ /ngày đến dưới 20 m ³ /ngày.	Sở TNMT TP.HCM	
	Về quy định kỹ thuật tại Khoản 5 (trang 6): “Quy định công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải có các công đoạn xử lý nước thải và công đoạn điều hòa, vùng lưu không, vùng chứa bùn cặn. Vùng lưu không có dung tích tối thiểu bằng 20% dung tích hữu dụng của công trình, thiết bị, chiều cao tối thiểu 0,2 m. Vùng chứa bùn cặn phải đủ thể tích lưu chứa bùn cặn từ 01 (một) năm trở lên. Nước thải có chứa dầu, mỡ phải được tách dầu, mỡ trước khi đưa vào công đoạn điều hòa”. Đề nghị nghiên cứu bổ sung cụ thể các công đoạn xử lý nước thải gồm những công đoạn nào trong quy trình xử lý, do có liên quan đến công tác vận hành và hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị, công tác quản lý các công trình, thiết bị xử lý nước tại chỗ (các công trình này thường thiết kế dạng module, lắp ráp sẵn nên cần cụ thể về các công đoạn xử lý); vùng chứa bùn cặn cần cụ thể 01 m ³ nước thải cần xử lý của công trình, thiết bị thì thể tích hạng mục chứa bùn là bao nhiêu m ³ .	Sở NNMT Sóc Trăng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, chỉ nên quy định kỹ thuật của công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, không nên quy định cụ thể về quy trình, công nghệ xử lý để đảm bảo tính ổn định của quy chuẩn do công nghệ có tính đa dạng và luôn luôn thay đổi
	Về Cột A, Cột B, Cột C trong Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3: đề xuất chỉnh sửa quy định theo phân vùng môi trường của địa phương thay vì mục đích của nguồn tiếp nhận theo như nội dung dự thảo.	Sở NNMT Bình Định	Đề nghị giữ nguyên để đảm bảo tính phù hợp với QCVN 14:2025. Địa phương có thể xây dựng QCVN địa phương chặt hơn QCVN quốc gia.
	- Mục 5.2 chưa có tính khả thi cao vì thực tế công trình xử lý nước thải phổ biến hiện nay là bể tự hoại 03 ngăn, cải tiến có thể 04 ngăn, 05 ngăn chức năng chính các bể này là: chứa, lắng, lọc không có công đoạn tiết trùng.	Sở NNMT Phú Yên	Tiếp thu
	- Tại mục 5.5 Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ quy định: “Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải ... đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định...” đề nghị dự thảo cần nêu quy định cụ thể là quy định nào.	Sở NNMT Phú Yên	Tiếp thu, không quy định về khoảng cách an toàn
	Tại mục 4 (Quy định quản lý) và mục 5 (Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân) của dự thảo QCVN 14:2025/BTNMT cần rà soát các quy chuẩn hiện đang còn hiệu lực và quy chuẩn chưa ban hành như QCVN 40:2025/BTNMT quy chuẩn mới về xử lý nước thải công nghiệp hiện chưa được ban hành. Do đó, cần phải áp dụng QCVN nào khác để phù hợp hơn.	Sở NNMT Kiên Giang	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, QCVN 14:2025/BTNMT và QCVN 40:2025/BTNMT đã được ban hành tại Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 06/2025/TT-BNNMT
	Kiến nghị làm rõ quy trình nghiệm thu công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đưa vào sử dụng; trách nhiệm giữa chủ đầu tư, nhà sản xuất thiết bị và cơ quan quản lý trong quy trình nghiệm thu công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ.	Sở TNMT TP.HCM	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc nghiệm thu là trách nhiệm của nhà cung cấp và đối tượng sử dụng, điều kiện đưa công trình, thiết bị xử lý nước

			thải tại chỗ vào vận hành đã được quy định tại Điều 8, 9 dự thảo QCVN.
	Tại Mục 6 về quy định quản lý vận hành: Kiến nghị quy định cụ thể về thời gian kiểm tra tình trạng hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng tại các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ tương ứng với từng công suất thiết kế.	Sở TNMT TP.HCM	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung về thời gian kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đã được quy định tại mục 5.1.
	Đối với mục II.6: đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể hơn về quy trình bảo trì công trình	Sở NNMT Đà Nẵng	Không thuộc phạm vi quy định của Quy chuẩn này. Các quy định về bảo trì công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Tuy nhiên, đã bổ sung thêm trách nhiệm hướng dẫn bảo trì của đơn vị thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ tại Điều 12.
	Kiến nghị cần có các quy định về yêu cầu đào tạo và chứng nhận kỹ năng cho người vận hành các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.	Sở TNMT TP.HCM	- Nội dung hướng dẫn về vận hành đã được quy định tại mục 11.3 và 12.3. - Không có căn cứ pháp lý để bổ sung quy định đào tạo và chứng nhận kỹ năng cho người vận hành
	- Tại mục 6.1 Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ quy định: "... kiểm tra mức nước, chiều dày lớp váng..." việc kiểm tra này chỉ phù hợp với công trình hở, lắp đặt nổi trên mặt đất, trong thực tế các công trình xử lý nước thải đều xây ngầm, kín, điều này không thể triển khai thực hiện được.	Sở NNMT Phú Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, các công trình, thiết bị tại chỗ khi xây dựng, lắp đặt phải đảm bảo theo quy định tại mục 4.4 của QCVN.
	- Tại Mục 8 dự thảo Quy chuẩn, quy định về lấy mẫu thử nghiệm cho đối tượng là nhà ở được thực hiện như thế nào?	Sở TNMT TP.HCM	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung lấy mẫu thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải tại mục 8 của QCVN. Ngoài ra, đã bổ quy định về lấy mẫu theo nội dung giấy phép môi trường đã được cấp
	- Bổ sung 03 tiêu chuẩn TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011 tại mục	Sở NNMT	Đề nghị giữ nguyên như dự

	8.1.1 và 8.2.2 của dự thảo quy chuẩn.	Trà Vinh	thảo, nội dung đã được quy định tại Điều 7 của QCVN
	- Tại mục 8.1.1.1: đề nghị tăng số lượng mẫu thử nghiệm như sau: “Lấy mẫu ít nhất 03 mẫu đơn nước thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp” để đánh giá mức độ ổn định của công trình, thiết bị xử lý.	Sở NNMT Trà Vinh	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, đảm bảo phù hợp với đối tượng sử dụng là các hộ gia đình, cá nhân
	- Tại mục 8.2.2.2: đề nghị giảm lưu lượng tối thiểu đạt từ “100% công suất thiết kế” xuống còn “50% công suất thiết kế” để đồng bộ với quy định về lưu lượng tại mục 8.1.1.2.	Sở NNMT Trà Vinh	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, do thiết bị sản xuất hàng loạt phải được đánh giá ở hiệu quả 100% công suất
	- Tại mục 8.2.2 (quy định về việc lấy mẫu nước thải sau xử lý), chưa có sự thống nhất trong việc lấy mẫu tổ hợp hay lấy mẫu đơn, đề nghị rà soát thống nhất chỉnh sửa.	Sở NNMT Hà Tĩnh	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, dự thảo QCVN không quy định lấy mẫu tổ hợp, chỉ quy định lấy mẫu đơn.
	Quy định về lấy mẫu thử nghiệm tại Khoản 8 (trang 8): “Việc lấy mẫu được thực hiện sau khi công trình xử lý nước thải tại chỗ vận hành ổn định, được thực hiện trong khoảng thời gian không ít hơn 60 ngày đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ có công suất thiết kế lớn hơn 1,5 m ³ /ngày (24 giờ)” đề nghị nghiên cứu về thời gian vận lấy mẫu thử nghiệm sau khi công trình xử lý nước thải đã vận hành ổn định, đề xuất là trong thời gian 30 ngày sẽ thực hiện lấy mẫu sau khi công trình đã vận hành ổn định. Lý do, khi công trình đã vận hành ổn định thì các công đoạn trong quy trình xử lý nước thải đã đảm bảo về hiệu quả và hiệu suất xử lý, thời gian 60 ngày là quá dài sau khi công trình đã vận hành ổn định.	Sở NNMT Sóc Trăng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, do đây là công trình xử lý sinh học nên cần th thời gian tối thiểu 60 ngày để tạo hệ vi sinh, tạo tính ổn định của công trình.
	Đề nghị xem lại quy định tại mục 8.1.1.2, mục 8.1.4, mục 9.1 cho phù hợp với trường hợp thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường mà phải có biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình bảo vệ môi trường mới được vận hành thử nghiệm, lấy mẫu đánh giá trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.	Sở NNMT Lạng Sơn	Tiếp thu, không quy định về lấy mẫu theo giấy phép môi trường đã được cấp do công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ không phải là đối tượng phải vận hành thử nghiệm.
	Đề nghị xem lại quy định tại mục 8.2.2.2, mục 9.2 cho phù hợp với trường hợp thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường mà phải có chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của thiết bị đã được thương mại hóa trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý.	Sở NNMT Lạng Sơn	Tiếp thu, không quy định về lấy mẫu theo giấy phép môi trường đã được cấp do công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ không phải là đối tượng phải vận hành thử nghiệm.
	- Đối với mục III.8: đề nghị nghiên cứu việc lấy mẫu thử nghiệm đối với dự án có quy trình công nghệ giống nhau (như khách sạn, khu nghỉ dưỡng có lắp đặt nhiều công trình xử lý sơ bộ) thì cần phải lấy mẫu đánh giá tất cả công trình hay chỉ vận hành thử nghiệm đối với một số công trình	Sở NNMT Đà Nẵng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc lấy mẫu thực hiện cho từng công trình riêng lẻ.

	đại diện.		
	Tại tiết 8.2.2.2 tiểu mục 8.2 mục 8: Đề nghị sửa cụm từ “lưu lượng tối thiểu đạt 100% công suất thiết kế” thành “lưu lượng tối thiểu đạt 50% công suất thiết kế”.	Sở NNMT Hung Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, quy định “lưu lượng tối thiểu đạt 100% công suất thiết kế” để đủ điều kiện đánh giá công năng, đáp ứng yêu cầu của thiết kế.
	Tại tiết 8.2.2.3 tiểu mục 8.2 mục 8: Đề nghị sửa cụm từ “lưu lượng nước thải bằng công suất thiết kế của thiết bị xử lý nước thải tại chỗ” thành “lưu lượng nước thải đạt 50% công suất thiết kế của thiết bị xử lý nước thải tại chỗ”.	Sở NNMT Hung Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, quy định “lưu lượng nước thải bằng công suất thiết kế của thiết bị xử lý nước thải tại chỗ” để đủ điều kiện đánh giá công năng, đáp ứng yêu cầu của thiết kế.
4	Quy định về quản lý		
	- Đề nghị xem xét tính khả thi trong thực tế về phát sinh chi phí xã hội đối với việc lấy, phân tích mẫu thử nghiệm phục vụ nghiệm thu công trình/đánh giá sự phù hợp thiết bị xử lý nước thải tại chỗ khi chủ thể quản lý, sử dụng chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân ở khu dân cư không tập trung hoặc hạ tầng khu đô thị, khu dân cư tập trung không có khả năng bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng bổ sung hệ thống xử lý nước thải chung.	Sở NNMT Nghệ An	Nhiệm vụ xây dựng QCVN được giao tại Điều 97 Luật Bảo vệ môi trường. Đây không phải là chính sách mới. Việc lấy mẫu là cần thiết để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải
	4. Quy định về điều kiện đưa vào sử dụng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ tại Khoản 9 (trang 10): “Công trình xử lý nước thải tại chỗ phải được nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng đảm bảo yêu cầu về xây dựng...” Đề nghị nghiên cứu quy định trên có cần thiết, do các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ có công suất nhỏ (từ 1,5 - 20 m ³) được thiết kế sẵn dạng module hộp khối, đã được công bố hợp chuẩn, hợp quy chỉ đưa đến công trình để lắp đặt không có hạng mục về xây dựng (nếu có thì chỉ thực hiện những hạng mục nhỏ về xây dựng như đào đất, bố trí tuyến ống, hạng mục bể tách dầu mỡ).	Sở NNMT Sóc Trăng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc nghiệm thu áp dụng đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ; việc hợp quy áp dụng đối với thiết bị xử lý nước thải tại chỗ
	- Tại mục 9.1 dự thảo Quy chuẩn quy định “Công trình xử lý nước thải tại chỗ phải được nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng” là quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý của công trình. Đề nghị dự thảo bổ sung quy định cụ thể cơ quan, đơn vị thực hiện việc nghiệm thu nêu trên.	Sở NNMT Long An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã được quy định tại mục 15.2.
	Đề nghị xem xét quy định miễn thực hiện thủ tục nghiệm thu đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ có công suất thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 m ³ /ngày (24 giờ), đối với quy mô công trình này sau khi lắp đặt chỉ cần lấy mẫu thử nghiệm trước khi đưa vào sử dụng chính thức để giảm thủ tục hành chính do công trình nhỏ, khối lượng nước thải phát sinh không nhiều và thiết bị xử lý	Sở NNMT Long An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, thủ tục nghiệm thu đối với công trình không phải là thủ tục hành chính, đây là thủ tục đảm

	nước thải tại chỗ là thiết bị xử lý nước thải được chế tạo nguyên chiếc, đã được đánh giá, chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy trước khi lưu thông thị trường.		bảo quyền lợi của đối tượng sử dụng công trình thiết bị xử lý nước thải tại chỗ
	+ Tại tiểu mục 12.2 mục 12: Đề nghị bổ sung cụm từ “nhập khẩu và thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng của thiết bị xử lý nước thải tại chỗ trước khi nghiệm thu, bàn giao” vào sau cụm từ “nhà sản xuất”. Tiểu mục 12.2 viết lại như sau: “12.2. Đơn vị thi công lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ có trách nhiệm lắp đặt thiết bị theo đúng tài liệu hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, nhập khẩu và thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng của thiết bị xử lý nước thải tại chỗ trước khi nghiệm thu, bàn giao cho người sử dụng, tuân thủ quy định về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, chất lượng công trình xây dựng và theo quy định tại Quy chuẩn này”.	Sở NNMT Hưng Yên	Tiếp thu, bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu thiết bị xử lý nước thải tại chỗ để sử dụng (bên cạnh nhập khẩu để bán, cung cấp ra thị trường) tại Điều 14.1 theo hướng: bổ sung cụm từ “hoặc sử dụng” sau cụm từ “trước khi cung cấp ra thị trường”.
	Dự thảo Quy chuẩn chú trọng kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của công trình xử lý và công tác thực hiện hợp quy nên có thể gặp khó khăn khi cấp phép xây dựng, thẩm định thiết kế công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ. Do vậy, nội dung dự thảo cần quy định cụ thể các công đoạn xử lý, thể tích cần có của từng bể tương ứng với mỗi m ³ nước thải để giúp phòng ngừa các trường hợp giả mạo hợp quy, hoặc gặp khó khăn khi kiểm tra việc hợp quy.	Sở NNMT Bình Định	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo do thực tế có nhiều công nghệ xử lý khác nhau, không quy định chi tiết về thiết kế chỉ kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra.
	Xem xét bổ sung lộ trình áp dụng đối với đối tượng là hộ gia đình, cá nhân vì áp dụng ngay là khó khả thi trên thực tiễn.	Sở NNMT Bình Định	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã được quy định cho dự án mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhà ở xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa
5	Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân; Tổ chức thực hiện		
	- Tại Mục 15.2 phần V của dự thảo cần bổ sung hướng dẫn việc nghiệm thu công trình xử lý nước thải tại chỗ về quy trình, các bước thực hiện để thống nhất chung trong cả nước. Cần khẳng định rõ chỉ thực hiện việc nghiệm thu đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ hay phải nghiệm thu cả thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.	Sở NNMT Long An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc nghiệm thu chỉ áp dụng đối với công trình xử lý nước thải tại chỗ; nội dung nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng
	Tại Mục 15.3 về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, đề nghị xem xét điều chỉnh nội dung cho phù hợp do công trình thiết bị xử lý nước thải tại chỗ không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và không thuộc đối tượng quan trắc môi trường theo quy định tại Điều 97	Sở TNMT TP.HCM	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì trách nhiệm của đối tượng sử dụng là phải vận hành thường xuyên, đúng quy trình

	Nghị định số 08/2022/ND-CP.		đối với các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ để đảm bảo đáp ứng giá trị giới hạn của nước thải sau xử lý
	- Tại Mục 16.1 quy định trách nhiệm cơ quan quản lý: + Dự thảo Quy chuẩn quy định: “Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với các đối tượng quy định tại điểm 2.2 Quy chuẩn này có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xây dựng (nếu có) theo quy định”. + Đề nghị bổ sung làm rõ nghĩa về “trách nhiệm thẩm định” nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP <i>“1. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 59 và khoản 1 Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cùng cấp đối với hồ sơ về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, thiết bị thu gom và lưu chứa tạm thời chất thải của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường”.</i>	Sở TNMT TP.HCM	Tiếp thu, bổ sung tại mục 16.1
	- Tại mục 16.3: đề nghị xem xét lại trách nhiệm “Tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy” không thuộc chức năng của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường.	Sở NNMT Trà Vinh, Lạng Sơn	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc tiếp nhận đăng ký hợp quy tại Nghị định... Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN
	- Đề nghị bổ sung quy định công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đạt quy chuẩn này thì có phải đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT không?	Sở NNMT Trà Vinh	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã được quy định tại mục 2.3 QCVN 14:2025/ BTNMT
	Đề nghị xem xét, điều chỉnh nội dung mục 16.3 “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường hướng dẫn, theo dõi, giám sát, tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ Quy chuẩn này trên địa bàn theo quy định” vì theo quy định tại mục 10 của quy chuẩn thì nội dung và trình tự thực hiện đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy là theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở NNMT Đồng Nai	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, thủ tục công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại...
	Tổ chức thực hiện (trang 13): quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phù hợp với Quy chuẩn này và điều kiện thực tế tại địa phương”. Kiến nghị xem xét cho phép các địa phương áp dụng trực tiếp quy chuẩn này để quản lý việc triển khai các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ và điều chỉnh thành “Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này”.	Sở NNMT Sóc Trăng, Lạng Sơn, Hải Dương, Long An	Tiếp thu
6	Góp ý chung		
	- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm quy định trong Quy chuẩn là cơ sở để nghiệm	Sở TNMT	Đề nghị giữ nguyên như dự

	thu và đưa vào sử dụng của công trình, thiết bị (quy định tại điều 9 của dự thảo Quy chuẩn); Nhưng tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định “a) Nước thải phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;”. Do vậy sẽ khó khăn trong công tác kiểm tra và đề xuất xử lý vi phạm hành chính khi xảy ra trường hợp công trình thiết bị đủ điều kiện đưa vào sử dụng (mẫu thử nghiệm đạt theo Quy chuẩn này) nhưng nước thải xử lý không đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và bị xem xét, xử lý theo quy định nên kiến nghị xem xét, bổ sung, điều chỉnh các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép quy định tại Bảng 1, 2, 3 của Quy chuẩn này phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt để đảm bảo tính thống nhất và tính khả thi khi áp dụng thực tế.	TP.HCM	thảo, nội dung này đã được quy định tại mục 2.3 QCVN 14:2025/BTNMT
	- Ngoài ra, nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn thành phố chủ yếu là hệ thống thoát nước của thành phố, nhưng quy chuẩn chỉ đề cập đến nguồn tiếp nhận là hồ, sông, vùng nước biển ven bờ. Do đó, đề nghị bổ sung quy định nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước đô thị.	Sở TNMT TP.HCM	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, khái niệm nguồn tiếp nhận đã được quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP
	Mục đích chính của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ là để xử lý nước thải sinh hoạt chuẩn trước khi xả thải, nhưng quy chuẩn này không đề cập đến việc so sánh các thông số trong dự thảo QCVN 14:2025/BTNMT mà chỉ đề cập đến việc so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT.	Sở NNMT Phú Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, nội dung này đã được quy định tại mục 2.3 QCVN 14:2025/BTNMT. Các giá trị cột A, B, C được quy định theo mục đích sử dụng, việc phân vùng xả nước thải theo QCVN 08:2023/BTNMT
	- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường quan tâm, xem xét phương án cho hoạt động xử lý, xả nước thải sinh hoạt nói riêng, nước thải phải xử lý nói chung ra môi trường đối với khu vực dân cư thưa thớt, địa hình không thuận tiện, hạ tầng thoát nước chưa đồng bộ, khó khăn cho việc xả nước thải sau xử lý ra môi trường với nguồn tiếp nhận (còn gọi là nguồn nước tiếp nhận) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành là các dạng tích tụ nước tự nhiên, nhân tạo có mục đích sử dụng xác định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.	Sở NNMT Phú Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, các nguồn tiếp nhận nước thải đã được quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP